

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 24/7/2023 - 28/7/2023

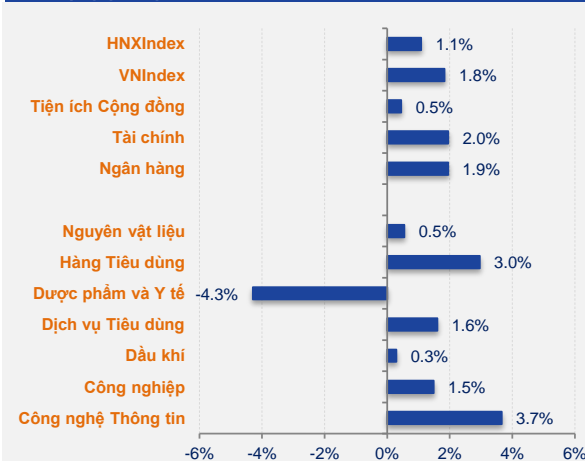
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,207.67	↑ 1.8%	237.54	↑ 1.1%
KLGD (trCP)	5,075.53	↑ 17.8%	569.51	↑ 13.7%
GTGD (tỷ VND)	102,614.47	↑ 14.4%	9,226.45	↑ 14.2%
Tổng cung (trCP)	11,205.80	↑ 12.5%	915.42	↑ 9.5%
Tổng cầu (trCP)	11,465.60	↑ 18.7%	805.07	↑ 7.5%

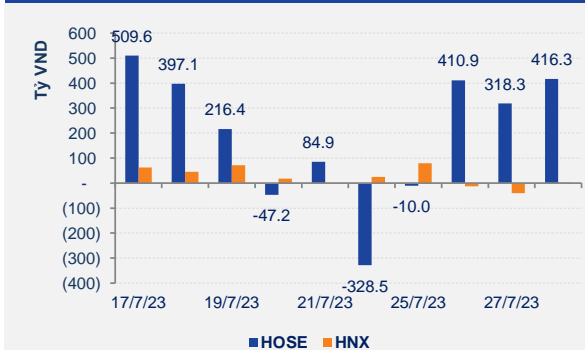
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	280.17	↑ 30.7%	14.45	↑ 29.2%
KL bán (trCP)	259.12	↑ 24.0%	9.07	↑ 244.5%
GT mua (tỷ VND)	7,613.26	↑ 8.7%	258.45	↑ 8.3%
GT bán (tỷ VND)	6,806.17	↑ 16.5%	204.79	↑ 370.6%

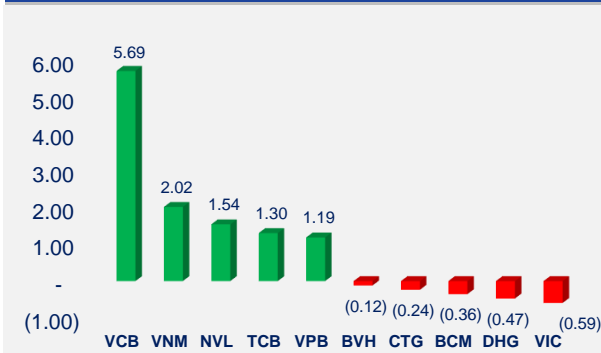
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp tục xu hướng tăng tích cực, VN-INDEX có tuần thứ tư liên tiếp tăng điểm với thanh khoản thị trường, khối lượng giao dịch gia tăng mạnh. VN-INDEX duy trì tăng trong 03 phiên đầu tuần, sau đó rung lắc mạnh ở vùng tâm lý 1.200 điểm, phục hồi tốt ở vùng giá quanh 1.190 điểm và kết thúc tuần tăng mạnh 1,84% so với tuần trước, lên mức 1.207,67 điểm. VN30 tăng 2,18% lên mức 1.212.45 điểm và HNX-INDEX tăng 1,09% so với tuần trước lên mức 237,54 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 102.614,47 tỉ đồng, tăng 14,2% so với tuần trước, trong đó có phiên giao dịch thanh khoản cao nhất 01 năm nay với gần 23.000 tỉ đồng. Khối lượng giao dịch tăng mạnh hơn 17,8% cho thấy dòng tiền ngắn hạn gia tăng trở lại ở các nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ, tập trung nhiều ở nhóm bất động sản. Thanh khoản HNX tăng 14,2% với 9.226,45 tỉ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng tuần thứ hai với giá trị 807,08 tỉ đồng, duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 53,66 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận rất nhiều thông tin quan trọng như: FED đã tăng thêm lãi suất lên 5,25% - 5,5%, mức cao nhất kể từ đầu năm 2001 trong bối cảnh GDP quý 2 của Mỹ tăng 2,4%, cao hơn dự báo trước đó (2%); ECB cũng nâng lãi suất thêm 0,25% lên 3,75%, mức cao nhất kể từ tháng 5/2001; Chính phủ Trung Quốc công bố sẽ kích cầu đối với nhiều mặt hàng và sẽ điều chỉnh và tối ưu hoá chính sách bất động sản; Sở GDCK Hà Nội (HNX) chính thức khai trương hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đang chú trọng đưa ra giải pháp tích cực, nỗ lực khắc phục các tiêu chí mà các đơn vị xếp hạng tín nhiệm đưa ra và cuối tháng 8/2023 sẽ tổ chức tọa đàm tại Hồng Kông làm việc với các tổ chức xếp hạng để đánh giá tiềm năng nâng hạng thị trường lên thị trường mới nổi.

Thị trường phản ánh rất tích cực với những thông tin trên trong đó nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến nổi bật nhất, phục hồi tăng giá mạnh với thanh khoản gia tăng rất tốt như SJS (+25,99%), NVL (+21,12), DXG (+15,20%), LGL (+14,81%), NBB (+14,29%), VPH (+13,78%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tích cực, đa số tăng giá tốt hơn thị trường chung với thanh khoản cải thiện mạnh như VIX (+8,57%), VND (+7,98%), SHS (+5,44%), TVS (+5,43%)... trong khi các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản trên mức trung bình như PSI (-1,11%), BVS (-0,37%), AGR (-0,32%)...

Thị trường trong giai đoạn đón nhận thông tin quý II/2023 vì vậy phân hóa theo kết quả kinh doanh trong từng nhóm ngành, các mã có kết quả kinh doanh tốt đều phản ứng rất tích cực, tăng giá mạnh với thanh khoản đột biến như MVC (+22,94%), DVN (+9,76%), VIP (+5,56%), trong khi các mã kém tích cực như VOS (-3,76%), MVN (-1,14%)... chịu áp lực điều chỉnh. Trong khi các cổ phiếu ngân hàng phân hóa hơn, đa số vẫn tăng điểm tốt với thanh khoản trên mức trung bình như SGB (+6,62%), TCB (+4,64%), VCB (+4,60%), MSB (+3,40%)... ngoài các mã giảm giá như NAB (-3,13%), PGB (-3,05%)

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 tăng mạnh 16,2 điểm (1,36%) trong phiên cuối tuần, chênh lệch thu hẹp còn -2,45 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh lên mức trung bình, khối lượng mở OI xu hướng tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2309, VN30F2312, VN30F2403 thu hẹp chênh lệch lên từ -2,95 điểm đến -9,45 điểm so với VN30. Cho thấy sau phiên rung lắc mạnh, thị trường trở nên lạc quan trở lại với VN30, gia tăng vị thế mua ở thị trường cơ sở đồng thời gia tăng vị thế mua đầu cơ ở thị trường phái sinh.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 24/7/2023 - 28/7/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Tuần thứ 2 liên tiếp thị trường tăng điểm sau khi VN-Index vượt qua ngưỡng cản quan trọng 1.150 điểm để hình thành xu hướng tăng điểm dài hạn đồng thời đây cũng là tuần tư 4 liên tiếp chỉ số đều tăng điểm và đóng cửa tuần ở mức cao nhất, điều đó cho thấy động lực tăng điểm của thị trường vẫn rất mạnh mẽ. Như chúng tôi liên tục nhấn mạnh trong thời gian qua, xu hướng tăng của thị trường được củng cố theo từng chặng với các nền tảng tích lũy chặt chẽ liên tiếp và mục tiêu tiếp theo là 1.300 điểm, các phiên điều chỉnh ngắn hạn nếu xảy ra chỉ là các biến động thông thường trong xu hướng Uptrend.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tuần thứ 4 liên tiếp thị trường đóng cửa với điểm số cao nhất trong tuần, vận động của thị trường trong tuần này tiếp tục tích cực sau khi thị trường xác nhận hình thành uptrend trung hạn, chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.204,69 điểm (tăng 18,79 điểm, +1,58%). Sau khi uptrend được xác nhận, Vn-Index tiếp tục vận động tích cực và hình thành các nền tảng tích lũy mang tính chất củng cố ngắn hạn để tiếp tục tích lũy động lực tăng. Ở khu vực vận động hiện tại VnIndex không đối diện với ngưỡng cản thực sự rõ ràng, tuy nhiên thị trường hoàn toàn có thể hình thành các vùng điều chỉnh trong quá trình tăng điểm như các nhịp điều chỉnh và tích lũy ngắn hạn trong thời gian qua.

Kinh tế vĩ mô nhìn chung vẫn đang trong giai đoạn chưa có nhiều chuyển biến tích cực nhưng không xấu đi. Lãi suất tại Mỹ và Châu Âu tiếp tục được điều chỉnh tăng tuy nhiên nền kinh tế Mỹ lại có sự tăng trưởng khá tốt vượt dự báo trong quý 2 và IMF nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu, qua đó phát đi các tín hiệu “khó xử” với nhà đầu tư. Trong tuần vừa qua, việc đưa sàn giao dịch trái phiếu riêng lẻ vào hoạt động là nỗ lực đáng ghi nhận của các cơ quan quản lý trong việc tăng cường sự minh bạch, công khai và tạo thanh khoản cho thị trường TPDN nói chung, tuy nhiên sẽ cần thêm nhiều thời gian để thị trường này ổn định và phát triển trở lại. Trong 6 tháng cuối năm 2023 tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn lên tới 158.500 tỷ đồng trong đó 51% (80.952 tỷ đồng) thuộc nhóm bất động sản với.

Theo Fiingroup, tính đến ngày 27/7/2023, đã có 683 công ty niêm yết (đại diện 55% tổng giá trị vốn hóa trên 3 sàn) công bố BCTC hoặc ước tính kết quả kinh doanh Q2-2023 và 6T2023. Trong đó 82% doanh nghiệp ghi nhận lãi trong quý 2, nhưng chỉ có 47% số doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận tăng so với cùng kỳ, tổng LNST quý 2/2023 của toàn bộ 683 công ty giảm 16,9% so với cùng kỳ.

Thị trường trong ngắn hạn tiếp tục bứt phá liên tiếp nhưng sẽ đối diện với các nhịp rung lắc, do đó nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng và chỉ giải ngân trong các nhịp điều chỉnh. Trong trung, dài hạn thị trường đã hình thành uptrend và mục tiêu VnIndex hướng tới sẽ là khu vực 1.300 điểm. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn liên tục giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư hoàn toàn đã cơ cấu được danh mục hợp lý, trong trường hợp cần giải ngân thêm có thể tận dụng các phiên điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 24/7/2023 - 28/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
POW	13.55	13.1-13.6	16.5-17	13	22.5	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	29.40	28-29	32-33	26	10.8	39.9%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/03/2023	BVS	26.7	18	24-26	25	48.3%	Nắm giữ
28/04/2023	PVS	34.4	25.1	33-34	33	37.1%	Nắm giữ
11/05/2023	PVP	15.3	12.75	18-18.5	14.5	19.6%	Nắm giữ
19/05/2023	DPR	61.1	54.8	65-67	60	11.5%	Nắm giữ
06/06/2023	KBC	32.8	28.05	34-35	31	16.9%	Nắm giữ
21/06/2023	GMD	57.7	51	62-64	56	13.1%	Nắm giữ
12/07/2023	DCM	30.5	27.75	31-32	29	9.9%	Nắm giữ
28/07/2023	BIC	29.4	29.1	32-33	27	1.0%	Giải ngân giá 29.1

TIN VĨ MÔ

Vốn đầu tư FDI đạt gần 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% trong 7 tháng đầu năm

Thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cho thấy tính đến ngày 20/7/2023, tổng vốn đầu tư cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ và tăng 8,8 điểm phần trăm so với 6 tháng đầu năm. Xét về đối tác, các nhà đầu tư đến từ châu Á, các đối tác đầu tư truyền thống như Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Riêng 6 đối tác này đã chiếm tới 78,2% tổng vốn đầu tư của cả nước trong 7 tháng.

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà vừa ký Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch đặt mục tiêu cung cấp đủ nhu cầu năng lượng trong nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2021 - 2030, khoảng 6,5 - 7,5%/năm trong giai đoạn 2031 - 2050; Tổng nhu cầu năng lượng cuối cùng 107 triệu tấn dầu quy đổi vào năm 2030 và đạt 165 - 184 triệu tấn dầu quy đổi vào năm 2050. Tổng cung cấp năng lượng sơ cấp 155 triệu tấn dầu quy đổi vào năm 2030 và 294 -311 triệu tấn dầu quy đổi vào năm 2050.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,4% trong quý II/2023

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ trong quý II/2023 đã tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn dự báo trung bình tăng 2% của Dow Jones. Trong quý I, GDP của Mỹ tăng 2%. Mức tăng trưởng vững chắc trong quý II được thúc đẩy bởi chỉ tiêu tiêu dùng với sự gia tăng đầu tư cố định phi dân cư, cùng chỉ tiêu của chính phủ và lượng hàng tồn kho.

Đề xuất 3 phương án quy định rút bảo hiểm xã hội một lần

Trong dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi, cơ quan soạn thảo đề xuất 3 phương án liên quan tới quy định về hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Đây là điểm mới so với dự thảo luật được đưa ra lấy ý kiến trước đó (bổ sung thêm 1 phương án về sửa đổi liên quan chính sách này). Đáng chú ý, đề xuất mới nhất là người tham gia bảo hiểm xã hội khi luật có hiệu lực sẽ không được hưởng rút một lần.

TIN DOANH NGHIỆP**Hòa Phát lãi 1,448 tỷ đồng trong quý 2**

Quý 2/2023, Tập đoàn Hòa Phát đạt doanh thu 29,800 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 1,448 tỷ đồng, giảm 64% so với cùng kỳ năm trước, nhưng đã khả quan hơn so với các quý gần đây. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Hòa Phát ghi nhận 56,665 tỷ đồng doanh thu và hơn 1,830 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 23% kế hoạch năm.

Vinhomes báo lợi nhuận gần 10.000 tỷ trong quý 2/2023, gấp gần 15 lần cùng kỳ

CTCP Vinhomes (mã chứng khoán: VHM) vừa công bố BCTC quý 2/2023 với doanh thu thuần 32.833 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 9.652 tỷ đồng, lần lượt gấp 7,3 lần và gần 14,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu thuần 6 tháng của Vinhomes đạt 62.100 tỷ đồng, tăng 364% so với cùng kỳ năm 2022 nhờ bàn giao 5.400 căn bất động sản thấp tầng tại dự án Vinhomes Ocean Park 2. Kết quả, lợi nhuận sau thuế đạt 21.600 tỷ đồng, tăng 295% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 72% kế hoạch năm. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 4.954 đồng.

HTN ghi nhận lãi ròng quý 2 giảm 43%

Quý 2, doanh thu thuần (chủ yếu là doanh thu hợp đồng xây dựng) và doanh thu tài chính của HTN giảm lần lượt 11% và 12%, về mức 1,570 tỷ đồng và hơn 15 tỷ đồng. Đáng chú ý, lãi tiền gửi của Công ty âm hơn 470 triệu đồng. Cộng với kết quả lỗ quý 1, lãi ròng 6 tháng đầu năm của Công ty chỉ gần 32 tỷ đồng, giảm 76%. So với mục tiêu lãi sau thuế 50 tỷ đồng năm 2023, HTN thực hiện được gần 63%.

6 tháng đầu năm 2023, PV Drilling (PVD) báo lãi 207 tỷ đồng, vượt 107% kế hoạch năm

Trong quý II, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.413 tỷ đồng, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm ngoái do quý II/2023 không phát sinh doanh thu giàn khoan thuê so với quý II/2022 có 1 giàn khoan thuê. Bên cạnh đó, doanh thu các dịch vụ liên quan đến khoan giảm do khối lượng công việc giảm. Kết quả, Công ty lãi sau thuế 155 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 73,8 tỷ đồng. Công ty mẹ mang về 161,3 tỷ đồng.

Ngân hàng Phương Đông (OCB) báo lãi trước thuế 2.560 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2023, tăng trưởng 47,2%

Theo đó, kết thúc 6 tháng đầu năm 2023, OCB đạt lợi nhuận trước thuế 2.560 tỷ đồng, tăng trưởng 47,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng thu thuần đạt 4.453 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, thu nhập ngoài lãi của OCB tăng gấp đôi lên 884 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2023, góp phần tạo nên kết quả kinh doanh tích cực của ngân hàng.

Kết thúc nửa đầu năm 2023, doanh thu thuần của Masan (MSN) đạt 37.315 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (HOSE: MSN) công bố báo cáo tài chính chưa kiểm toán của nửa đầu năm 2023 trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn nhiều thách thức từ điều kiện kinh tế vĩ mô tác động tiêu cực đến niềm tin của cả người tiêu dùng và doanh nghiệp. Kết thúc quý II/2023, trên cơ sở báo cáo, doanh thu thuần của Masan đạt 37.315 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023, tăng 3,6% so với 36.023 tỷ đồng của nửa đầu năm 2022.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HSG	8,540,700	MSB	(22,368,700)
2	HDB	8,509,900	POW	(8,195,600)
3	HPG	7,846,800	CTG	(5,091,600)
4	KDH	6,329,000	STB	(4,268,500)
5	VHM	5,274,300	KDC	(2,536,400)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	10,360,660	CEO	(4,785,390)
2	TNG	774,220	PVS	(1,261,737)
3	DDG	176,500	NVB	(259,492)
4	IDC	174,750	EID	(108,000)
5	LAS	135,600	IDJ	(89,300)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	15.15	18.35	↑ 21.12%	353,686,400
DIG	24.80	25.60	↑ 3.23%	188,561,400
VND	18.80	20.30	↑ 7.98%	174,754,400
MSB	13.25	13.70	↑ 3.40%	174,271,300
DXG	16.45	18.95	↑ 15.20%	140,689,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	14.70	15.50	↑ 5.44%	101,852,226
CEO	18.00	19.20	↑ 6.67%	53,679,513
PVS	34.30	34.40	↑ 0.29%	28,225,136
TAR	18.30	21.00	↑ 14.75%	22,700,416
HUT	20.80	20.40	↓ -1.92%	19,878,064

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	6.09	8.51	2.4	↑ 39.74%
LEC	8.33	11.60	3.3	↑ 39.26%
SJS	45.40	57.20	11.8	↑ 25.99%
NVL	15.15	18.35	3.2	↑ 21.12%
HPX	4.11	4.79	0.7	↑ 16.55%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	136.00	180.90	44.9	↑ 33.01%
VC9	6.00	7.70	1.7	↑ 28.33%
CMS	7.80	9.60	1.8	↑ 23.08%
SCI	13.70	16.80	3.1	↑ 22.63%
UNI	10.00	12.10	2.1	↑ 21.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

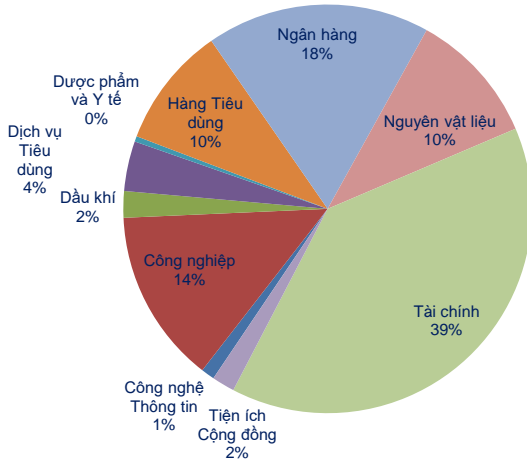
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMC	11.00	9.63	-1.4	↓ -12.45%
DTL	28.70	25.20	-3.5	↓ -12.20%
TNC	58.00	51.00	-7.0	↓ -12.07%
VNS	20.93	18.75	-2.2	↓ -10.43%
LM8	15.60	14.00	-1.6	↓ -10.26%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKV	15.00	12.00	-3.0	↓ -20.00%
ATS	13.00	10.50	-2.5	↓ -19.23%
DAE	26.90	21.90	-5.0	↓ -18.59%
THS	14.60	11.90	-2.7	↓ -18.49%
THB	12.10	10.00	-2.1	↓ -17.36%

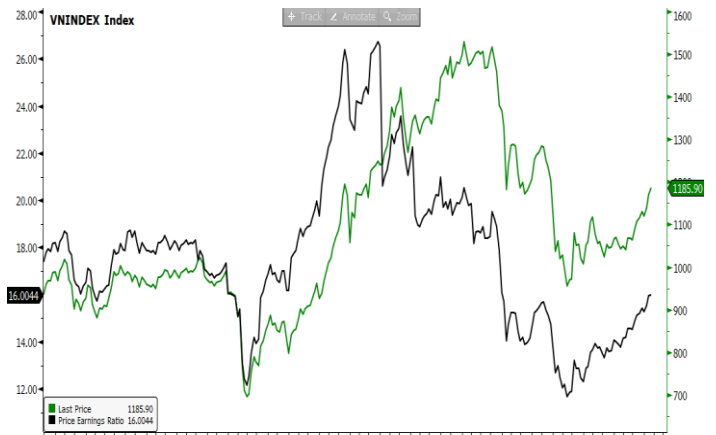
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	353,686,400	1.8%	414	43.1	0.8
DIG	188,561,400	2.2%	276	94.3	2.0
VND	174,754,400	4.1%	487	39.9	1.6
MSB	174,271,300	17.8%	2,355	5.7	1.0
DXG	140,689,900	-1.5%	-355	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	101,852,226	4.3%	507	30.0	1.3
CEO	53,679,513	7.5%	1,034	18.1	1.3
PVS	28,225,136	5.6%	1,498	22.8	1.2
TAR	22,700,416	3.8%	585	36.1	1.4
HUT	19,878,064	1.3%	146	138.4	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	↑ 39.7%	-35.9%	-8,996	-	0.4
LEC	↑ 39.3%	-3.6%	-570	-	0.7
SJS	↑ 26.0%	4.7%	1,046	51.2	2.4
NVL	↑ 21.1%	1.8%	414	43.1	0.8
HPX	↑ 16.5%	3.9%	462	9.7	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 33.0%	-25.5%	-3,269	-	15.4
VC9	↑ 28.3%	109.3%	852	8.5	7.1
CMS	↑ 23.1%	0.8%	102	87.2	0.7
SCI	↑ 22.6%	5.3%	1,003	17.6	0.9
UNI	↑ 21.0%	0.1%	16	706.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	8,540,700	-9.7%	-1,710	-	1.1
HDB	8,509,900	20.8%	2,757	6.2	1.1
HPG	7,846,800	0.7%	114	248.7	1.7
KDH	6,329,000	8.6%	1,405	25.3	2.2
VHM	5,274,300	24.9%	8,269	7.0	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	10,360,660	4.3%	507	30.0	1.3
TNG	774,220	15.4%	2,353	8.7	1.4
DDG	176,500	4.2%	546	14.5	0.6
IDC	174,750	34.3%	6,675	6.7	2.4
LAS	135,600	7.1%	849	15.0	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	438,704	23.2%	6,533	14.2	3.0
VHM	250,376	24.9%	8,269	7.0	1.6
BID	236,233	19.7%	3,972	11.8	2.2
VIC	194,892	5.1%	1,800	28.4	1.5
GAS	187,950	24.1%	7,689	12.8	2.9

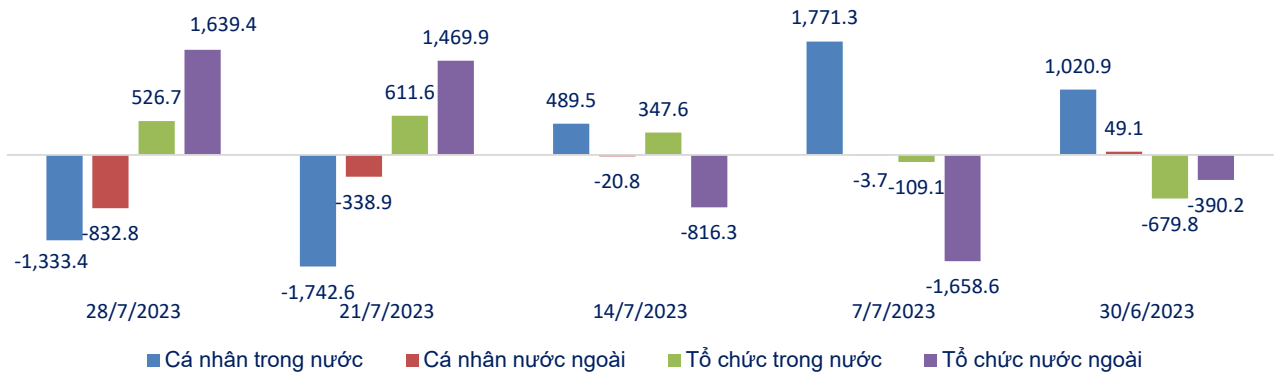
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,299	5.6%	1,498	22.8	1.2
IDC	14,850	34.3%	6,675	6.7	2.4
THD	13,895	4.0%	672	59.0	2.3
SHS	12,360	4.3%	507	30.0	1.3
PVI	12,345	0.5%	187	281.6	1.5



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	306.95	17.8%	2,355	5.7	1.0
VIC	196.70	5.1%	1,800	28.4	1.5
CTG	168.14	15.9%	3,548	8.3	1.2
KDC	152.64	5.3%	1,487	43.0	2.1
STB	141.28	14.9%	3,006	9.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-358.80	24.9%	8,269	7.0	1.6
HPG	-337.89	0.7%	114	248.7	1.7
VNM	-322.18	23.5%	3,881	19.5	4.6
KDH	-277.25	8.6%	1,405	25.3	2.2
HSG	-252.31	-9.7%	(1,710)	-	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	9.17	23.5%	3,881	19.5	4.6
VRE	5.16	10.2%	1,488	19.2	1.9
VGC	4.74	12.9%	2,651	17.6	2.2
GEX	4.50	1.6%	385	59.4	0.9
HDB	4.31	20.8%	2,757	6.2	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-846.99	17.8%	2,355	5.7	1.0
MSN	-11.43	5.9%	1,536	54.8	3.2
VCG	-11.05	1.4%	268	98.3	1.3
VND	-10.65	4.1%	487	39.9	1.6
LPB	-6.59	14.7%	2,082	7.9	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	184.05	11.8%	1,796	12.1	1.4
EVF	162.07	8.3%	1,031	10.0	0.8
HPG	115.23	0.7%	114	248.7	1.7
DGC	115.06	36.7%	10,788	6.6	2.3
VNM	114.62	23.5%	3,881	19.5	4.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-139.75	1.6%	385	59.4	0.9
DIG	-81.62	2.2%	276	94.3	2.0
NVL	-70.09	1.8%	414	43.1	0.8
VIC	-67.07	5.1%	1,800	28.4	1.5
DBC	-56.45	2.9%	551	46.1	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

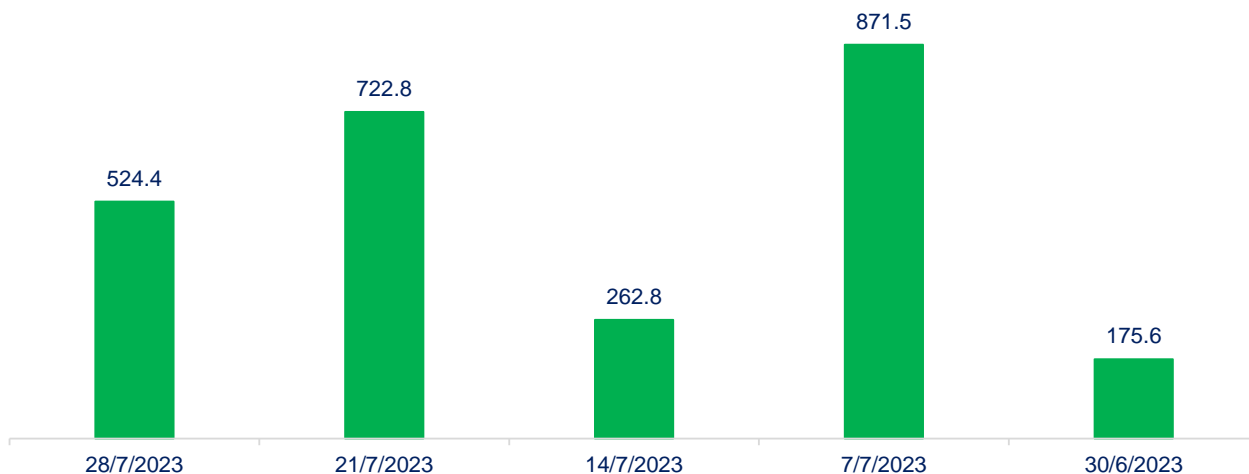
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	542.03	17.8%	2,355	5.7	1.0
VHM	301.22	24.9%	8,269	7.0	1.6
HPG	222.56	0.7%	114	248.7	1.7
KDH	221.00	8.6%	1,405	25.3	2.2
VNM	198.38	23.5%	3,881	19.5	4.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

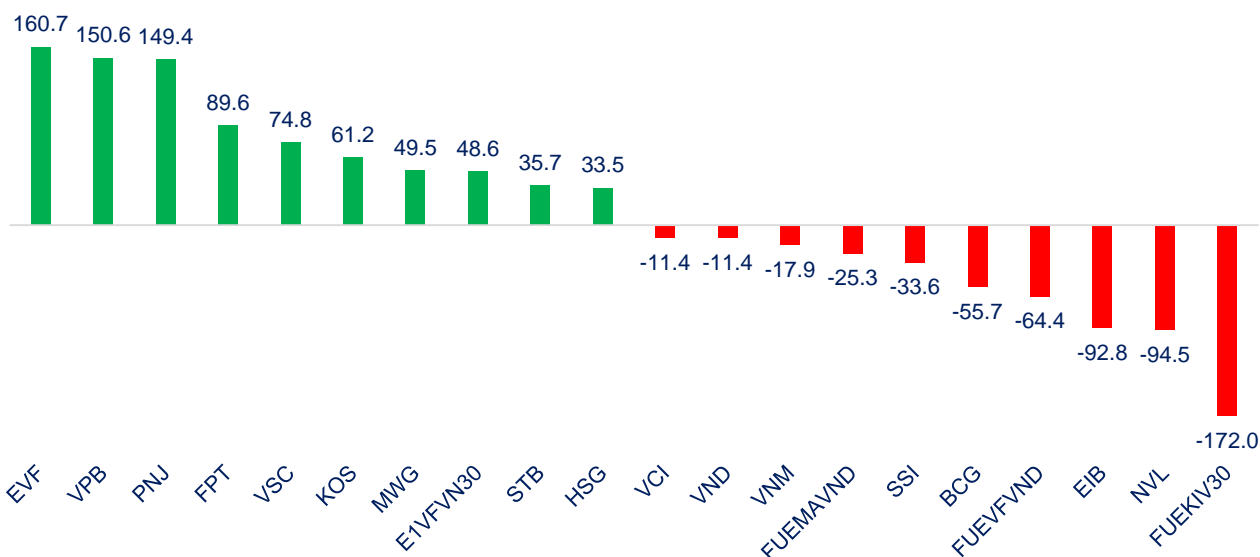
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-154.57	15.9%	3,548	8.3	1.2
KDC	-152.38	5.3%	1,487	43.0	2.1
VIC	-129.57	5.1%	1,800	28.4	1.5
STB	-122.15	14.9%	3,006	9.3	1.3
POW	-111.39	4.2%	603	22.1	0.9



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
18/5/2023	28/7/2023	29/5/2023	26/5/2023	VKC	Đại hội Đồng Cổ đông
16/5/2023	28/7/2023	31/5/2023	30/5/2023	SPI	Đại hội Đồng Cổ đông
12/5/2023	28/7/2023	31/5/2023	30/5/2023	CTX	Đại hội Đồng Cổ đông
28/4/2023	28/7/2023	15/5/2023	12/5/2023	TBD	Đại hội Đồng Cổ đông
8/6/2023	28/7/2023	19/6/2023	16/6/2023	LDW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/6/2023	28/7/2023	28/6/2023	27/6/2023	SSC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/6/2023	28/7/2023	30/6/2023	29/6/2023	CLX	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/6/2023	28/7/2023	29/6/2023	28/6/2023	DVP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/6/2023	28/7/2023	26/6/2023	23/6/2023	TTN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/6/2023	28/7/2023	11/7/2023	10/7/2023	CH5	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2023	28/7/2023	17/7/2023	14/7/2023	TDW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/7/2023	28/7/2023	14/7/2023	13/7/2023	CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/7/2023	28/7/2023	18/7/2023	17/7/2023	SAS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/7/2023	28/7/2023	14/7/2023	13/7/2023	DMS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/7/2023	28/7/2023	19/7/2023	18/7/2023	PIA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/7/2023	28/7/2023	18/7/2023	17/7/2023	SGH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/7/2023	28/7/2023	20/7/2023	19/7/2023	VRG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/7/2023	28/7/2023	20/7/2023	19/7/2023	NQT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/7/2023	28/7/2023	18/7/2023	17/7/2023	SMB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/7/2023	28/7/2023	18/7/2023	17/7/2023	EMG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/7/2023	28/7/2023	17/7/2023	14/7/2023	PPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2023	28/7/2023	17/7/2023	14/7/2023	HJS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/7/2023	28/7/2023	14/7/2023	13/7/2023	USD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/7/2023	28/7/2023	28/7/2023	28/7/2023	BGM	Tạm dừng Niêm yết
21/7/2023	28/7/2023	31/7/2023	28/7/2023	ANT	Phát hành cổ phiếu
21/7/2023	28/7/2023	31/7/2023	28/7/2023	ANT	Phát hành cổ phiếu
18/5/2023	31/7/2023	30/6/2023	29/6/2023	CCR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/5/2023	31/7/2023	23/5/2023	22/5/2023	VSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/5/2023	31/7/2023	15/6/2023	14/6/2023	S55	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/6/2023	31/7/2023	18/7/2023	17/7/2023	DNH	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
